

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ban án số: **33/2020/HNGĐ – ST**

Ngày 05-8-2020

V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị M – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã A, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình K, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã A, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện kết hôn với ông Võ Đình K vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đình K.

Về con: Bà và ông Võ Đình K có 02 con chung tên Võ Hữu L, sinh ngày 24/9/2002 và Võ Đình H, sinh ngày 23/5/2011. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Khi ly hôn bà M tự thỏa thuận với ông Võ Đình K về người trực tiếp nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M tự thỏa thuận với ông Võ Đình K nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Đình K trình bày:

Ông K thống nhất với bà M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo ông K vợ chồng có mâu thuẫn, xích mích nên bà M đã bỏ đi từ năm 2015 cho đến nay không về. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không có ý kiến gì.

Về con: Vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M tự thỏa thuận với ông Võ Đình K nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Đình K, yêu cầu của bà Huỳnh Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Võ Đình K sinh sống tại ấp 9, xã A, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giải quyết là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1983 và ông Võ Đình K, sinh năm 1979 tự nguyện kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Võ Đình K là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà M và ông K xác định vợ chồng có mâu thuẫn, Bà M xác định không còn tình cảm gì với ông K, còn ông K xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng khi bà M yêu cầu được ly hôn thì ông không có ý kiến gì là thể hiện sự không nín kìm và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông K đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông K đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà M phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.
- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị M được ly hôn với ông Võ Đình K.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông K đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000960 ngày 02/6/2020.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết